

Số: 36/GPMT-UBND

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 08/CV.2023 ngày 04/5/2023 của Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thê Hệ Mới về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1413/TTr-STNMT ngày 01/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thê Hệ Mới, địa chỉ tại Lô N, đường D2, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư

1.1. Tên Dự án: Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô N, đường D2, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 2200741584 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/12/2020; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5001704155 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 07/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 20/7/2022.



07/3/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 20/7/2022.

1.4. Mã số thuế: 2200741584.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy, hải sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 14.692,9 m².

- Công suất: 10.000 tấn sản phẩm/năm (Dự án nâng công suất từ 4.500 tấn sản phẩm/năm lên 10.000 tấn sản phẩm/năm). Trong đó:

+ Sản xuất tôm đông lạnh: 6.000 tấn sản phẩm/năm.

+ Sản xuất tôm hấp: 2.500 tấn sản phẩm/năm.

+ Sản xuất tôm tẩm bột và tôm tẩm bột chiên: 1.500 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thế Hệ Mới

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thế Hệ Mới có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô



nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 05 tháng 6 năm 2023 đến ngày 05 tháng 6 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

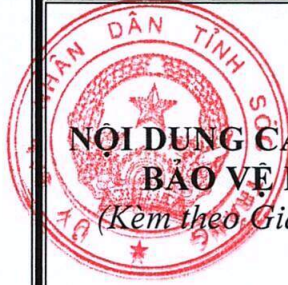
- Cty CP CBTS Thế Hệ Mới;
- Sở TN&MT;
- BQL các KCN tỉnh ST;
- UBND huyện Châu Thành;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, N

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Nam





Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 36/GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất) được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (KCN) An Nghiệp, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Nghiệp theo văn bản đã ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Môi trường An Nghiệp (đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Nghiệp), bao gồm: Biên bản xác nhận vị trí đầu nối nước thải ngày 22/4/2020 và Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 2112005/HĐTĐ ngày 03/01/2022 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Môi trường An Nghiệp và Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thế Hệ Mới.

- Lưu lượng nước thải được phép đầu nối về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp tăng theo lộ trình nâng công suất của Dự án tại Công văn số 68/CV-2022 ngày 10/11/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Môi trường An Nghiệp, cụ thể như sau:

Stt	Thời gian	Lưu lượng nước thải tiếp nhận (m ³ /ngày)
1	Từ nay đến tháng 7/2023	674
2	Từ tháng 7/2023 - 8/2024	797
3	Từ tháng 1/2025 - 1/2026	1042
4	Từ tháng 1/2026 - 1/2027	1349

- Điểm đầu nối nước thải tại hồ thu gom nước thải trên via hè đường D2 có tọa độ: X=1066204; Y=549894 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 6⁰), có lắp đặt lưới chắn rác có kích thước tối đa 3 mm.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn (05 bể có tổng thể tích 100 m³) bằng ống nhựa PVC Φ90 - 114 mm để xử lý sơ bộ, sau khi được xử lý sơ bộ sẽ thoát vào hệ thống thu gom nước thải của Dự án; nước thải từ căn tin sẽ được thu gom bằng ống nhựa PVC Φ300 mm, với chiều dài khoảng 30 m và đầu nối trực tiếp vào các hố ga của hệ thống thu gom nước thải dự án. Hệ thống thu gom nước thải Dự án, bao gồm 8 hố ga (kích thước 1 m x 1 m x 1 m) được nối với nhau bằng cống tròn bê tông cốt thép Φ250 mm chịu lực, với tổng chiều dài 323,4 m. Nước thải từ hệ thống thu gom sẽ được dẫn về điểm đầu nối nước thải của Dự án với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp An Nghiệp bằng cống bê tông cốt thép Φ250 mm.

- Nước thải sản xuất được thu gom bằng đường ống có Φ114 - 200 mm dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của Dự án, bao gồm 8 hố ga (kích thước 1 m x 1 m x 1 m) được nối với nhau bằng cống tròn bê tông cốt thép Φ250 mm chịu lực, với tổng chiều dài 323,4 m. Nước thải từ hệ thống thu gom sẽ được dẫn về điểm đầu nối nước thải của Dự án với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp An Nghiệp bằng cống bê tông cốt thép Φ250 mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn (05 bể có tổng thể tích là 100 m³).

- Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại các công trình, thiết bị xử lý nước thải thuộc hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp.

- Chế độ vận hành: Xả liên tục.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tiếp nhận đầu nối của Khu công nghiệp An Nghiệp (theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 2112005/HĐTN ngày 03/01/2022 và Biên bản xác nhận vị trí đầu nối nước thải ngày 22/4/2020 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Môi trường An Nghiệp và Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thế Hệ Mới.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước thải phát sinh.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường cống, rãnh thoát nước; hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.



- Thường xuyên phối hợp với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Môi trường An Nghiệp (đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp) theo định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra chất lượng nước thải trước khi đầu nối theo quy định của Khu công nghiệp An Nghiệp.

- Trường hợp chất lượng nước thải không đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp An Nghiệp (phát hiện thông qua một số sự cố trong quá trình sản xuất hoặc công tác kiểm tra chất thải đầu ra định kỳ) phải dừng ngay việc xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh để khắc phục kịp thời. Sau khi kiểm tra, khắc phục (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu), nước thải từ hồ thu gom nước thải tập trung thể tích 300 m³ tiếp tục dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất) được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

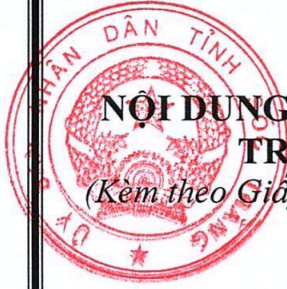
3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án (nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất) đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Môi trường An Nghiệp (đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp), không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ, tuyệt đối không để rò rỉ nước thải hoặc thải trực tiếp nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.4. Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thế Hệ Mới chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.





Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 36/GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi 01 đốt dầu DO, công suất 1.000 kg/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải từ lò hơi 02 đốt dầu DO, công suất 750 kg/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thế Hệ Mới tại Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 6°):

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 01, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1066171$; $Y = 549969$.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 02, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1066169$; $Y = 549973$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $2.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $2.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý, được xả ra môi trường qua ống khói (xả liên tục 24/24 giờ trong thời điểm nhà máy hoạt động).

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C, Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 1$), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850		
3	SO_2	mg/Nm^3	500		
4	CO	mg/Nm^3	1.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải. Nhiên liệu là dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.



B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Nguồn số 01 và 02: Khí thải được thu gom theo đường ống về hệ thống xử lý khí thải được thiết kế tích hợp của lò hơi đốt dầu DO để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi → Ống sứ cilite → Dàn mưa → Ống khói → Khí thải đạt QCVN 19:2019/BTNMT (Cột B).

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/giờ/hệ thống.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Kiểm định định kỳ đối với các thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Khi lò hơi xảy ra sự cố sẽ ngừng hoạt động lò hơi, tiến hành sửa chữa, đồng thời tạm ngưng dây chuyền sản xuất sử dụng lò hơi đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP do hệ thống xử lý khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là dầu DO.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình xử lý khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.





Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 36/GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực hoạt động của lò hơi.
2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 6°) tọa độ: X = 1066143; Y = 549942.
3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Stt	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

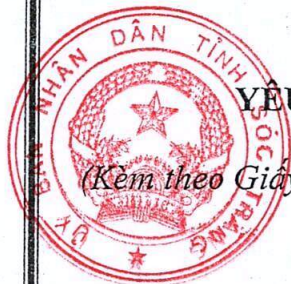
- Lắp đặt máy móc, thiết bị trên đệm cao su và lò xo giảm chấn để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

- Thường xuyên bảo trì các thiết bị tại Dự án để đảm bảo hoạt động tốt, hạn chế tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 36/GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	64
2	Dầu diesel thải	17 06 01	967
3	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	177
4	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	6,4
5	Que hàn thải	07 04 01	3,2
6	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	48,4
7	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	96,5
Tổng khối lượng			1.362,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Thành phần	Khối lượng (tấn/ngày)
1	Phụ, phế phẩm (vỏ, đầu tôm,...)	20,03
2	Bao tay, yếm, ủng, chổi mù, bàn chải, dây nẹp, nhựa các loại,...	0,06
3	Thùng carton, bịch các loại, màng co hư,...	0,05
4	Sắt, thép, đồng, nhôm từ quá trình bảo dưỡng thiết bị	0,06
5	Than hoạt tính thải bỏ (xử lý nước cấp)	0,01
Tổng khối lượng		20,21

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	900

1.4. Khối lượng chất thải thông thường khác phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (lít/tháng)
1	Dầu chiên thải	500

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa có nắp đậy (thể tích 90 lít/thùng) và các phuy chứa.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền xi măng, tường xây gạch, mái tôn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng, phuy có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 80 m² (trong đó, khu vực lưu chứa phụ phẩm 40 m², khu vực lưu chứa chất thải rắn khác 40 m²).

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền xi măng, tường xây gạch, mái tôn.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với dầu chiên thải (có nguồn gốc từ động, thực vật) được thu gom vào can nhựa 20 lít, lưu chứa tại kho chứa chất thải thông thường và chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác có nắp đậy.



- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền xi măng.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

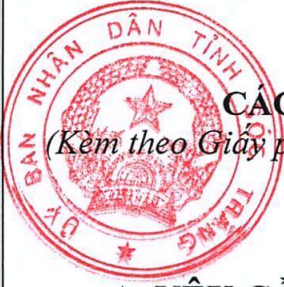
B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 36/GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.